

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 335/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30-12-2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng.

2. Bà Đỗ Mỹ Lil.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa – Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 391/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 440/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lã Thị Minh Q, sinh năm 1983; căn cước công dân số: 906183004704, cấp ngày 10/5/2021; địa chỉ: Ấp C, xã S, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Dương Văn C, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp C, xã S, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Lã Thị Minh Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C sống chung năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Cà Mau, hiện tại vợ chồng chị không còn sống chung với nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 người con chung, cháu Dương Bửu D, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2018 hiện đang sống cùng chị. Yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con

chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định giữa chị và anh C không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Dương Văn C đúng theo quy định pháp luật nhưng anh C không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ những vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh C theo quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Cà Mau vào năm 2017 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, nhiều lần hăm giết nhưng không thành. Chị Q nộp đơn ly hôn, anh C không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy là vợ chồng nhưng anh chị hiện sống ly thân nhau. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung Dương Bửu D, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2018 hiện đang sống cùng chị Q, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, trong thời gian không sống chung, cháu D vẫn do chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Q vẫn đảm bảo các điều kiện để cháu được học hành, phát triển bình thường. Bên cạnh đó, theo nguyện vọng của cháu D thì cháu muốn được tiếp tục sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D cho chị Quyên tục nuôi dưỡng là phù hợp với sự phát triển, nguyện vọng của cháu và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của chị Q về việc cấp dưỡng cho con: Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và

Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh C không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số , ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, mức cấp dưỡng không được thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định, mức lương tối thiểu vùng III là 4.140.000 đồng/tháng, mức cấp dưỡng tối thiểu là 2.070.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị Q yêu cầu mức cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, mức cấp dưỡng này là phù hợp so với cấp dưỡng theo mức pháp luật quy định, phù hợp với điều kiện cơ bản cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc đối với con chưa thành niên tại nơi chị Q sinh sống nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 01 năm 2026 đến khi con đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q xác định giữa chị và anh C không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có phát sinh về tài sản chung, nợ chung thì các bên có quyền khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được khấu trừ; anh C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số , ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lã Thị Minh Q ly hôn anh Dương Văn C.
2. Về con chung: Giao con chung cháu Dương Bửu D, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2018 cho chị Lã Thị Minh Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện cháu đang ở với chị Lã Thị Minh Q.

Buộc anh Dương Văn C cấp dưỡng nuôi cháu Dương Bửu D hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng; kể từ tháng 01/2026 đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Kể từ khi chị Lã Thị Minh Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Dương Văn C chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng anh Dương Văn C còn phải chịu thêm phần lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Dương Văn C có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Lã Thị Minh Q. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lã Thị Minh Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004006 ngày 05 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Anh Dương Văn C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà mau;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Sông Đốc (số ĐKKH118/2017);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp